

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2023/HS-ST
Ngày 16 tháng 8 năm 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thế Văn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Phùng

Nơi công tác: Nguyên Hiệu trưởng Trường trung học PT Chu Văn An

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Thanh

Nơi công tác: Cán bộ Ban Dân vận huyện Phú Tân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Cẩm Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 29/2023/TLST-HS ngày 31 tháng 7 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 8/2023/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 8 năm 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Thu L (Bé M), sinh ngày 01/01/1969, tại huyện P, tỉnh An Giang; nơi cư trú: ấp H, xã P, huyện P, tỉnh An Giang; giới tính: Nữ; nghề nghiệp: Mua bán; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Đạo Phật giáo H3; trình độ học vấn: lớp 01/12; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1924 (chết) và bà Trần Thị M1, sinh năm 1929 (chết); có chồng Nguyễn Văn H (Chưa xác định) và 01 con Nguyễn Thường V, sinh năm 1990 (chết); anh, em ruột có 09 người, bị cáo là người thứ 7; nhân thân: Từ nhỏ sống chung với gia đình, học đến lớp 01 nghỉ. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo L bị tạm giam từ ngày 21/4/2023 đến nay, tại Nhà Tạm giữ - Công an huyện P, có mặt.

- Bị hại: Cháu Nguyễn Minh K, sinh năm 2014 nơi cư trú: Tổ C, khu phố Ô, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Chị Nguyễn Thị Cẩm T1, sinh năm 1995 (mẹ cháu K) nơi cư trú: Tổ 3, khu phố Ô, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Bà Văng Thị V1 là Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh A, xin vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1967 vắng mặt;
2. Ông Thái Văn H1, sinh năm 1969 có mặt;
3. Bà Nguyễn Thị Cẩm V2, sinh năm 1959 có mặt;
4. Bà Nguyễn Thị Cẩm H2, 1965 có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2014, Nguyễn Thường V, sinh năm 1990 kết hôn với Nguyễn Thị Cẩm T1, sinh năm 1995, có 02 con chung là Nguyễn Minh K, sinh ngày 04/12/2014 và Nguyễn Thị Thu T3, sinh ngày 21/5/2020. Đến ngày 07/12/2021 V chết do bị bệnh nên được mẹ ruột là bà Nguyễn Thị Thu L, sinh năm 1969 ngụ ấp H, xã P, huyện P thờ cúng.

Đến khoảng 07 giờ 30 phút, ngày 27/11/2022, Cẩm T1 đưa 02 con Minh K và Thu T3 từ tỉnh Bình Dương về nhà mẹ chồng là bà Nguyễn Thị Thu L, ngụ ấp H, xã P, huyện P để dự đám cúng giáp năm của V. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, khi T1 cùng với K và T3 chuẩn bị ra về thì bà L kêu T1 phải giao K hoặc T3 lại cho bà nuôi dưỡng, chăm sóc nhưng T1 không đồng ý. Lúc này, T1 vừa bế Thu T3 và nắm tay Minh K dẫn ra đường để đi về nên bà L đến nắm tay K kéo lại, dẫn đến hai bên giằng co nhau. Cùng lúc, chị của L là bà Nguyễn Thị Cẩm V3, sinh năm 1959, ngụ ấp M, xã M, huyện C đến can ngăn nhưng không được nên lùi về sau đứng nhìn. Do không giành giật được cháu Minh K nên bà L giành lấy cháu Thu T3 nhưng không được nên tiếp tục nắm tay giành lấy cháu Minh K. Lúc này, T1 khom người cắn vào tay trái của L nên bị L dùng tay trái đánh vào vùng mặt. Thấy L và T1 giằng co nên V3 đến can ngăn và đẩy T1 lùi về sau làm cho Minh K rời khỏi tay T1. Sau đó, L chiếm giữ được Minh K, không cho T1 đến tiếp xúc gần nên T1 bế Thu T3 bỏ đi về. Đến ngày 06/02/2023, T1 tố giác hành vi của L đến Công an xã P. Sau đó, chính quyền địa phương kết hợp tổ chức đoàn thể đã nhiều lần đến vận động, giải thích pháp luật và yêu cầu bà L giao cháu Minh K lại cho mẹ ruột là T1 tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng nhưng L không đồng ý.

Đến ngày 20/4/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện P khởi tố vụ án, bị can và ra Lệnh bắt bị can để tạm giam đối với L để điều tra, xử lý.

* Lời khai của bị hại Nguyễn Minh K và người đại diện của bị hại chị Nguyễn Thị Cẩm T1 trình bày phù hợp với nội dung của vụ án. T1 đã nhận lại cháu Minh K nên không yêu cầu gì. T1 đã làm đơn xin giảm nhẹ hình phạt đối với L.

* Lời khai của những Người làm chứng Thái Văn H1, Nguyễn Thị T2, Nguyễn Thị Cẩm V3, Nguyễn Thị Cẩm H2 trình bày như nội dung vụ án.

* Quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Thị Thu L khai nhận hành vi phạm tội như nội dung vụ án đã nêu.

* Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật: không thu giữ vật chứng.

* Phân trách nhiệm dân sự: Bị hại và người đại diện bị hại không yêu cầu bồi thường.

Cáo trạng số 31/CT-VKS-HS ngày 31 tháng 7 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Phú Tân để xét xử bị cáo Nguyễn Thị Thu L về tội “Chiếm đoạt người dưới 16 tuổi” theo khoản 1 Điều 153 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân thực hiện quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định như cáo trạng đã truy tố. Sau khi phân tích tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo, Viện kiểm sát đề nghị:

- Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng khoản 1 Điều 153, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự để xử phạt Nguyễn Thị Thu L 03 năm tù về tội “Chiếm đoạt người dưới 16 tuổi” nhưng cho hưởng án treo. Án định thời gian thử thách 05 năm.

- Về các biện pháp tư pháp: Không

Người bảo vệ quyền và lợi ích của bị hại có văn bản về quan điểm giải quyết vụ án: Thống nhất với cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân truy tố bị cáo Nguyễn Thị Thu L về Tội chiếm đoạt người dưới 16 tuổi theo khoản 1 Điều 153 Bộ luật Hình sự là đúng quy định pháp luật. Bị cáo L là người đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo vì lợi ích cá nhân mà chiếm giữ cháu K nuôi dưỡng, mà không cho mẹ cháu tiếp xúc, thăm con. Với tính chất và mức độ của hành vi, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng mức hình phạt nghiêm minh để răn đe, phòng ngừa chung, có xem xét đại diện bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, bị cáo L thừa nhận hành vi phạm tội, không tranh luận, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về Quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng:

Trong giai đoạn điều tra và truy tố, Cơ quan điều tra Công an huyện P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Xét thấy bị hại, đại diện bị hại, người làm chứng đã có lời khai tại Cơ quan điều tra và lời khai của người này phù hợp với lời khai nhận của bị cáo trong giai đoạn điều tra, nên việc vắng mặt của người này không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Căn cứ Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử đối với vụ án.

[2] Về trách nhiệm hình sự:

[2.1] Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Thị Thu L phù hợp với lời khai của bị hại, đại diện hợp pháp bị hại, người làm chứng và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án như biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 21/4/2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P.

Căn cứ vào các chứng cứ vừa nêu trên có đủ cơ sở kết luận: Nguyễn Thị Thu L có hành vi dùng vũ lực chiếm đoạt cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 04/12/2014, nhằm ngăn cản việc Nguyễn Thị Cẩm T1 tiếp tục thực hiện quyền quản lý, chăm sóc, giáo dục đối với cháu K. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân truy tố đối với bị cáo L về tội “Chiếm đoạt người dưới 16 tuổi” theo khoản 1 Điều 153 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[2.2] Tính chất, mức độ của hành vi phạm tội.

Bị cáo L là người đã trưởng thành, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc dùng vũ lực để chiếm đoạt người dưới 16 tuổi là sai trái, mặc dù được chính quyền địa phương nhiều lần vận động trả cháu K lại cho mẹ ruột cháu nuôi dưỡng nhưng bị cáo L không chấp hành mà vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền tự do, quyền được đi học, nuôi dưỡng, giáo dục, đồng thời làm ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội ở địa phương. Do đó, cần phải xử phạt bị cáo L một hình phạt tương xứng nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và đề phòng ngừa chung cho xã hội.

[2.3] Nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Bị cáo L không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo L thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, giữa bị cáo và bị hại là quan hệ bà nội và cháu, bị cáo L đã từng nuôi dưỡng hai cháu K và T3 nên bị cáo phạm tội xuất phát từ tình yêu thương cháu; bị cáo trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế. Bị cáo L có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự và có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo L hình phạt tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo.

[2.4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 153 Bộ luật Hình sự, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm. Tuy nhiên, xét bị cáo L không nghề nghiệp ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[3] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Bị hại và đại diện bị hại không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Bị cáo L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Thu L (Bé M) phạm tội “Chiếm đoạt người dưới 16 tuổi”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 153, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu L (Bé M) 03 (ba) năm tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Án định thời hạn thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án 16/8/2023.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Thu L cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh An Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Nguyễn Thị Thu L thay đổi nơi cư trú thì áp dụng Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019 để giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù theo bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ vào Điều 136, Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Nguyễn Thị Thu L phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo (1);
- Đương sự (1);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện Phú Tân (1);
- Nhà tạm giữ, THAHS CA HCP (2);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- Chi cục THADS huyện Phú Tân (2);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh AG (1);
- Sở Tư Pháp tỉnh AG (1);
- Lưu hồ sơ Tòa án (1);
- Lưu VT (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thế Văn

